

Bản án số: 378/2024/HS-PT

Ngày: 26 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: ông Đặng Kim Nhân

ông Phạm Văn Hợp

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Phương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 384/2024 /TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Trương Văn T** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Do có kháng cáo của bị cáo **Trương Văn T** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2024/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1631/2024/QĐXXPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trương Văn T**, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1976 tại thành phố Hải Phòng; hộ khẩu thường trú: **2 P, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng**; chỗ ở: nhà không số thuộc **tổ E, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; trình độ văn hoá: 09/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông **Trương Văn T1** và con bà **Phạm Thị L**; có vợ tên là **Vũ Thị H** và có 01 con sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31 tháng 01 năm 2023, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa cho bị cáo **Trương Văn T**: Luật sư **Hồ Ngọc N**, Văn phòng **L1**, thuộc **Đoàn L2 H1**, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 29 tháng 01 năm 2023, tại khu vực trước **số C đường C, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**, tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an thành phố N** bắt quả tang **Nguyễn Việt Minh T2** về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 358,79 gam Methamphetamine (Kí hiệu A). Qua làm việc, **Minh T2** khai nhận số ma túy trên vừa mua của **Trương Văn T** từ **tỉnh Bình Dương về thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** để sử dụng.

Qua truy xét, đến khoảng 07 giờ ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại khu vực trước **số A đường B T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**, tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an thành phố N** phát hiện **Trương Văn T** nên mời về **Công an phường P** làm việc. Tại đây, **Văn T** thừa nhận đã nhiều lần bán ma túy cho **Minh T2**. Đến ngày 31 tháng 01 năm 2023, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Văn T** tại nhà không số thuộc **tổ E, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố N** thu giữ 118,9278 gam Methamphetamine (Kí hiệu B, B1).

Quá trình điều tra xác định: khoảng giữa năm 2022 tại tỉnh Bình Dương, **Văn T** quen biết nam thanh niên tên **H2** (chưa rõ lai lịch, địa chỉ) bán ma túy. Đến tháng 9 năm 2022, **Văn T** bắt đầu mua ma túy của **H2** về phân lẻ, bán lại cho người khác kiếm lời. Khi mua ma túy, **Văn T** dùng số điện thoại 0977151919 gọi vào số 0916201616 của Hải báo số lượng ma túy cần mua, **H2** đồng ý bán với giá 35.000.000 đồng/100 gam ma túy đá và hẹn địa điểm giao ma túy tại Bình Dương. Tại điểm hẹn, **Văn T** gặp **H2** nhận ma túy và mang về nhà không số thuộc **tổ E, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương** phân lẻ để bán. Khi có người gọi vào tài khoản Zalo của **Văn T** hỏi mua ma túy, **Văn T** thỏa thuận số lượng, hẹn địa điểm giao ma túy tại tỉnh Bình Dương và mang đi bán với giá 40.000.000 đồng/100 gam ma túy đá. Sau đó, **Văn T** trả tiền mua ma túy cho **H2** bằng cách chuyển tiền từ tài khoản **Ngân hàng M** số 0977151919 của **Văn T** vào tài khoản **Ngân hàng M** số 0916201616 tên **Đỗ Quốc H3**.

Trong thời gian này, **Văn T** quen biết và nói cho **Minh T2** biết bản thân có bán ma túy đá. Khoảng đầu tháng 01 năm 2023, **Minh T2** liên lạc với **Văn T** hỏi mua 100 gam ma túy đá về sử dụng, **Văn T** đồng ý bán với giá 40.000.000 đồng. Sau đó, **Văn T** đã gửi số ma túy trên từ **tỉnh Bình Dương ra thành phố N, tỉnh**

Khánh Hòa cho Minh T2 qua xe khách Quang Hạnh. Đồng thời, Minh T2 đã chuyển tiền mua ma túy từ tài khoản Ngân hàng V số 109874567903 của Minh T2 vào tài khoản Ngân hàng M số 0977151919 của Văn T.

Đến ngày 27 tháng 01 năm 2023, Minh T2 tiếp tục liên lạc với Văn T hỏi mua nợ 400 gam ma túy đá về sử dụng và thống nhất gửi ma túy về địa chỉ số C C, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa với số điện thoại người nhận là 0767330690 (là số điện thoại Minh T2 sử dụng), Văn T đồng ý bán với giá 160.000.000 đồng. Lúc này, do đã hết ma túy nên Văn T gọi điện thoại cho H3 hỏi mua nợ 500 gam ma túy đá, H3 đồng ý bán với giá 175.000.000 đồng và hẹn giao ma túy tại khu vực cầu Ô, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tại điểm hẹn, Văn T gặp H3 nhận 500 gam ma túy đá, rồi mang về nhà tại tổ E, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương phân vào 05 bịch nylon và 01 hũ thủy tinh. Đến sáng ngày 28 tháng 01 năm 2023, Văn T gửi 02 bịch ma túy đá từ tỉnh Bình Dương ra thành phố N, tỉnh Khánh Hòa qua xe khách Quang H4 với thông tin người nhận là “số 03 C, N, 0767330690” và báo cho Minh T2 biết để đi nhận. Chiều ngày 29 tháng 01 năm 2023, khi gói hàng đựng ma túy về đến văn phòng xe khách Quang Hạnh trên đường B T, thành phố N. Minh T2 đặt dịch vụ G đi nhận mang đến trước số C C, N giao cho Minh T2. Sau khi Minh T2 nhận thùng hàng đựng ma túy thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Đến sáng ngày 30 tháng 01 năm 2023, Văn T cũng bị Cơ quan Công an phát hiện bắt giữ.

Kết luận giám định số 52/2023/KL-KTHS ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh K kết luận: tinh thể màu trắng trong (02 hai gói nylon của mẫu ký hiệu A gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng - 358,79 gam, là (loại) Methamphetamine.

Kết luận giám định số 56/2023/KL-KTHS ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh K, kết luận:

- Tinh thể màu trắng trong 03 (ba) gói nylon của mẫu ký hiệu B gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 104,0881 gam, là (loại) Methamphetamine.
- Tinh thể màu trắng trong 01 (một) hộp thủy tinh mẫu ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 14,8397 gam, là (loại) Methamphetamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2024/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự. Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Xử

phạt bị cáo **Trương Văn T** tù Chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt ngày 31 tháng 01 năm 2023.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự. Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Viết Minh T2** 20 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt ngày 29 tháng 01 năm 2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về điều luật về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, bị cáo **Trương Văn T** kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: hoàn cảnh khó khăn, xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, bị cáo **Nguyễn Viết Minh T2** kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 16 tháng 7 năm 2024, bị cáo **Nguyễn Viết Minh T2** tự nguyện rút kháng cáo và Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 23/2024/HSPT ngày 15 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Viết Minh T2**.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Trương Văn T** trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: ngày 25 tháng 6 năm 2024, bị cáo **Trương Văn T** kháng cáo bản án sơ thẩm là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: bị cáo **Trương Văn T** mua bán trái phép 477,7178 gam ma túy loại Methamphetamine. Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Trương Văn T** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và xử phạt bị cáo tù chung thân là thoả đáng, không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh tụng: sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo **Trương Văn T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bản thân bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ già yếu bệnh tật. Mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là nặng. Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không chính xác, mà là điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng

xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đồng ý quan điểm của Luật sư bào chữa.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 bị cáo **Trương Văn T** kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2024/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, kháng cáo của bị cáo **Trương Văn T** là trong thời hạn luật định, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo **Trương Văn T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện: khoảng 15 giờ 30 phút ngày 29 tháng 01 năm 2023, tại khu vực trước **số C đường C, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**, tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an thành phố N** bắt quả tang **Nguyễn Viết Minh T2** đang tàng trữ trái phép 358,79 gam ma túy loại Methamphetamine mua của **Trương Văn T** trước đó để sử dụng. Khoảng 10 giờ 00 ngày 31 tháng 01 năm 2023, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Trương Văn T** tại nhà không số thuộc **tổ E, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố N** thu giữ 118,9278 gam ma túy loại Methamphetamine mà **Trương Văn T** đã mua của một người tên **H3** (không xác định nhân thân, lai lịch, địa chỉ) để bán lại cho **Nguyễn Viết Minh T2** và nhiều người khác. Theo các bản Kết luận giám định thì tổng khối lượng ma túy mà **Trương Văn T** mua bán trái phép là 477,7178 gam ma túy loại Methamphetamine. Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo **Trương Văn T** phù hợp với lời khai của bị cáo **Nguyễn Viết Minh T2** trong cùng vụ án; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, các bản Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo **Trương Văn T** về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Khối lượng ma túy mà bị cáo **Trương Văn T** mua bán trái phép là 477,7178 gam loại Methamphetamine, nên phạm vào điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định: phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) ...

b) *Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên;*

Hành vi phạm tội của bị cáo **Trương Văn T** là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền thống nhất quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và các chất gây nghiện khác; xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Khối lượng ma túy mà bị cáo **Trương Văn T** mua bán trái phép gấp nhiều lần mức khởi điểm của khoản 4 điều luật quy định. Bị cáo **Trương Văn T** mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, nên còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm đ khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, nhận định về tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, hậu quả để lại cho xã hội và đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Từ đó, xử phạt bị cáo **Trương Văn T** tù Chung thân là có căn cứ, đúng pháp luật.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo **Trương Văn T** phạm tội nhiều lần, nhưng lại áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không chính xác. Tuy nhiên, sai sót này cấp phúc thẩm khắc phục sửa lại cho phù hợp và không ảnh hưởng đến việc áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo.

[3] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo **Trương Văn T** không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Với những nội dung đã được Hội đồng xét xử nhận định phân tích tại các mục [1] và [2] nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trương Văn T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Trương Văn T** phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trương Văn T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo **Trương Văn T** tù Chung thân về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt ngày 31 tháng 01 năm 2023.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo **Trương Văn T** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đặng Kim Nhân

Phạm Văn Hợp

Trần Quốc Cường